

Bản án số: 91/2020/DS-ST

Ngày 09-12-2020

V/v: *Tranh chấp hợp đồng tín dụng  
và tranh chấp hợp đồng thế chấp.*

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK SONG, TỈNH ĐẮK NÔNG**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Mã Thị Kỳ.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Võ Thị Mơ và ông Hoàng Minh Hải.

***Thư ký phiên tòa:*** Bà Hà Thị Thúy Nga – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đăk Song.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đăk Song tham gia phiên tòa*** Ông Nguyễn Trọng Đạt – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đăk Song xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 308/2020/TLST-DS, ngày 31-12-2020 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng và tranh chấp hợp đồng thế chấp*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 67a/2020/QĐXXST-DS ngày 04 tháng 9 năm 2020 và Thông báo về việc mở lại phiên tòa số: 13/2020/TB-TA ngày 23 tháng 11 năm 2020, giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Ngân hàng TMCP B.

Trụ sở: Tòa nhà C số 109 T, Phường C, Quận H, Thành phố Hà Nội;

Đơn vị được ủy quyền: Ngân hàng TMCP B – chi nhánh Đăk Nông;

Địa chỉ: Đường 23/3, phường N, thành phố G, tỉnh Đăk Nông;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Cao C – Chức vụ: Phó Giám đốc trung tâm giám sát kinh doanh và xử lý nợ, ông Đinh Minh Q – Chức vụ: Chuyên viên khách hàng (*Văn bản ủy quyền ngày 04-11-2019*) – Có mặt.

Địa chỉ trụ sở giao dịch: Đường 23/3, phường N, thành phố G, tỉnh Đăk Nông.

*Bị đơn:* Ông Nguyễn Thái S và bà Trần Thị L – Điều vắng mặt lần thứ 2 không có lý do.

Cùng địa chỉ: Thôn 5, xã N, huyện Đ, tỉnh Đăk Nông.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

*Theo đơn khởi kiện ngày 13-12-2019 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:*

Ngày 04-01-2018, ông Nguyễn Thái S và bà Trần Thị L có vay của Ngân hàng TMCP B (Viết tắt là Ngân hàng L), số tiền 595.000.000đ (Năm trăm chín mươi lăm triệu đồng), theo Hợp đồng tín dụng số HDTD67020180085, ngày 04-01-2018; thời hạn vay: 12 tháng (Từ ngày 05-01-2018 đến hết ngày 05-01-2019); lãi suất: 11,52%/năm ; mục đích sử dụng vốn: Thanh toán các chi phí phát triển nông nghiệp.

Để đảm bảo nghĩa vụ vay vốn ông Nguyễn Thái S và bà Trần Thị L thế chấp Quyền sử dụng đất (viết tắt là QSDĐ) đối với thửa đất số: 40, tờ bản đồ số 132, theo Giấy chứng nhận QSDĐ quyết sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BE 266427; và thửa đất số: 62, tờ bản đồ số 132, theo Giấy chứng nhận QSDĐ quyết sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BE 266428, cả 02 Giấy chứng nhận trên đều do Ủy ban nhân dân (viết tắt là UBND) huyện Đ cấp ngày 18-10-2011, đứng tên ông Nguyễn Thái S và bà Trần Thị L và 02 thửa đất trên đều tọa lạc tại thôn Đ, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

Việc thế chấp tài sản được thể hiện tại Hợp đồng thế chấp QSDĐ số: 206/2016/HĐTC-CNDakNong ngày 25-01-2016; được UBND xã Đắk N'Drung công chứng ngày 27-01-2016, số chứng thực 21 và đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 27-01-2016 tại Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai Đ.

Trong quá trình thực hiện nghĩa vụ trả nợ, Ngân hàng đã nhiều lần tạo điều kiện cho ông Nguyễn Thái S và bà Trần Thị L thu xếp nguồn vốn để thanh toán tiền lãi vay và nợ gốc đúng hạn theo hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp nêu trên. Tuy nhiên, từ ngày 05-01-2019 đến nay, ông Nguyễn Thái S và bà Trần Thị L vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp, không hợp tác trong việc trả nợ. Ngày 15-01-2019 toàn bộ nợ vay của hợp đồng tín dụng nêu trên đã chuyển nợ quá hạn.

Do vậy, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Đ giải quyết các vấn đề sau:

Buộc ông Nguyễn Thái S và bà Trần Thị L thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng theo Hợp đồng tín dụng số: HDTD67020180085 ngày 04-01-2018; Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 206/2016/HĐTC-CNDakNong ngày 25-01-2016, số tiền tạm tính đến ngày 04-11-2019 gồm: Nợ gốc là: 594.999.912 đồng; nợ lãi trong hạn là: 68.544.000 đồng; nợ lãi quá hạn là: 91.040.681 đồng.

Và tiền lãi quá hạn phát sinh từ ngày 04-11-2019 cho đến ngày ông Nguyễn Thái S và bà Trần Thị L trả hết nợ cho Ngân hàng với mức lãi suất quá hạn đã thỏa thuận trong các hợp đồng tín dụng đã ký kết.

Trường hợp ông Nguyễn Thái S và bà Trần Thị L không trả nợ hoặc trả nợ không đủ thì Ngân hàng đề nghị được quyền xử lý tài sản bảo đảm nêu trên theo quy định của pháp luật để thu hồi nợ cho Ngân hàng.

Tại biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 16-6-2020 thể hiện: Qua kiểm tra, xác minh, đo đạc trên thực tế và ráp bản đồ thể hiện: Đặc điểm tứ cận thửa đất xem xét, thẩm định đúng như Giấy chứng nhận QSDĐ của các thửa đất số: 40 và 62, tờ bản đồ số 132, tọa lạc tại thôn Đ, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông mà ông Nguyễn Thái S bà Trần Thị L thế chấp tại Ngân hàng.

Tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn yêu cầu Tòa án buộc ông Nguyễn Thái S bà Trần Thị L trả cho nguyên đơn số tiền nợ gốc là 594.999.912 đồng; nợ lãi trong hạn là: 68.544.000 đồng; nợ lãi quá hạn là 198.308.094 đồng, lãi phạt là 13.218.713 đồng, (tính đến ngày 09-12-2020); đồng thời các khoản tiền lãi, lãi quá hạn, các khoản phí phát sinh do quá hạn được tiếp tục tính kể từ ngày 10-12-2020 đến khi thu hồi được toàn bộ nợ vay theo mức lãi suất, lãi quá hạn, các khoản phí phát sinh do chậm trả lãi thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ đã ký. Ngoài ra, Ngân hàng đề nghị được xử lý tài sản bảo đảm quy định của pháp luật để thu hồi nợ cho Ngân hàng nếu ông Nguyễn Thái S bà Trần Thị L không thực hiện nghĩa vụ trả nợ.

Kết quả xác minh xác định bị đơn đã đi khỏi địa phương nhưng không thông báo về việc thay đổi nơi thường trú, tạm trú. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng đối với bị đơn ông Nguyễn Thái S và bà Trần Thị L bằng các hình thức niêm yết, thông báo. Tuy nhiên, ông Nguyễn Thái S và bà Trần Thị L vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án. Do đó, Tòa án vẫn tiến hành giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Song kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự và về nội dung giải quyết vụ án, phát biểu như sau:

Qua nghiên cứu, đánh giá các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Thư ký Tòa án và những người tham gia tố tụng thì thấy: Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng quy định của pháp luật; việc thụ lý giải quyết vụ án đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng trong vụ án: Nguyên đơn chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn không chấp hành quy định, đã đi khỏi địa phương không thông báo về việc thay đổi nơi thường trú, nơi tạm trú.

Về nội dung vụ án: Sau khi phân tích các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh luận tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; buộc bị đơn ông Nguyễn Thái S và bà Trần Thị L trả cho nguyên đơn số tiền nợ gốc là 594.999.912 đồng; nợ lãi trong hạn là: 68.544.000 đồng; nợ lãi quá hạn là 198.308.094 đồng, lãi phạt là 13.218.713 đồng, (tính đến ngày 09-12-2020) và các khoản tiền lãi, lãi quá hạn, các khoản phí phát sinh do quá hạn được tiếp tục tính kể từ ngày 10-12-2020 đến khi thu hồi được toàn bộ nợ vay theo mức lãi suất, lãi quá hạn, các khoản phí phát sinh do chậm trả lãi thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ đã ký. Trường hợp bị đơn không trả

hoặc trả không đủ nợ thì nguyên đơn có quyền đề nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm nêu trên theo quy định của pháp luật để thu hồi nợ.

Các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án: Bản sao Hồ sơ tín dụng, hồ sơ pháp lý của ngân hàng, hồ sơ khách hàng; là các tài liệu do nguyên đơn cung cấp. Ngoài ra, còn có một số tài liệu, chứng cứ mà Tòa án thu thập được lưu trong hồ sơ vụ án như bản tự khai của nguyên đơn, biên bản xem xét, thẩm định, kết quả thông báo, triệu tập đối với bị đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, HĐXX xét thấy:

[1] Về tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Ngân hàng L khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Thái S và bà Trần Thị L trả số tiền gốc đã vay là 594.999.912 đồng và lãi phát sinh theo Hợp đồng tín dụng số HDTD67020180085, ngày 04-01-2018, đồng thời yêu cầu xử lý thế chấp nếu ông Nguyễn Thái S và bà Trần Thị L không trả được nợ. Do vậy, quan hệ pháp luật của vụ án được xác định là “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng và Tranh chấp hợp đồng thế chấp*” quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự. Ông Nguyễn Thái S và bà Trần Thị L có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn 5, xã N, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Đắk Nông theo điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2]. Về thời hiệu khởi kiện: Ngày 05-01-2019 ông Nguyễn Thái S và bà Trần Thị L vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Ngày 13-12-2019 Ngân hàng khởi kiện là còn trong thời hiệu khởi kiện quy định tại Điều 429 Bộ luật Dân sự.

[1.3]. Việc chấp hành pháp luật của đương sự: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng bằng các hình thức như trực tiếp (đối với nguyên đơn), niêm yết công khai và thông báo (đối với bị đơn) đúng theo quy định tại Điều 173 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tuy nhiên, quá trình giải quyết, bị đơn không có mặt, kết quả xác minh tại địa phương xác định bị đơn đã đi khỏi địa phương và không khai báo việc thay đổi nơi thường trú, tạm trú. Như vậy, bị đơn đã tự ý từ bỏ quyền được tham gia tố tụng, quyền tự bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình quy định tại Điều 6, Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ 02 để tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng vắng mặt mà không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Do vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1]. Về nội dung và hình thức của hợp đồng: Ông Nguyễn Thái S và bà Trần Thị L có vay tiền của Ngân hàng L số tiền 594.999.912 đồng, thể hiện qua Hợp đồng

tín dụng số: HDTD67020180085, ngày 04-01-2018, thời hạn vay là: 12 tháng kể từ ngày 04-01-2018 đến 05-01-2019; lãi suất cho vay: 11,52%/năm; mục đích vay là thanh toán các chi phí phát triển nông nghiệp nông thôn. Xét thấy, việc thỏa thuận giữa các bên là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với các quy định của pháp luật nên hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng L với ông Nguyễn Thái S và bà Trần Thị L có nội dung và hình thức phù hợp với quy định của Bộ luật Dân sự và Luật các tổ chức tín dụng.

[2.2]. Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng L yêu cầu Tòa án buộc ông Nguyễn Thái S và bà Trần Thị L trả số tiền nợ gốc là 594.999.912 đồng; Hội đồng xét xử xét thấy: Căn cứ hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng L với ông Nguyễn Thái S bà Trần Thị L xác định số tiền vay, thời hạn trả nợ và lãi suất thỏa thuận như đại diện nguyên đơn trình bày là đúng; Ngân hàng L đã giải ngân cho ông Nguyễn Thái S và bà Trần Thị L số tiền 594.999.912 đồng. Quá trình thực hiện hợp đồng, đến hạn ngày 05-01-2019 ông Nguyễn Thái S bà Trần Thị L không trả nợ gốc và lãi suất phát sinh cho Ngân hàng L là vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo cam kết trong hợp đồng, vi phạm khoản 1 Điều 466 Bộ luật Dân sự “*Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn; nếu tài sản là vật thì phải trả vật cùng loại đúng số lượng, chất lượng, trừ trường hợp có thỏa thuận khác*”. Mặc dù Ngân hàng đã làm việc và thông báo cho ông Nguyễn Thái S bà Trần Thị L về việc nợ quá hạn, yêu cầu ông Nguyễn Thái S bà Trần Thị L trả nợ cho Ngân hàng nhưng ông Nguyễn Thái S bà Trần Thị L không trả nên việc Ngân hàng L khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Thái S bà Trần Thị L trả nợ là có căn cứ. Do đó, cần áp dụng các Điều 463, 466, 470 Bộ luật Dân sự; các Điều 90, 91, 95 Luật các Tổ chức tín dụng để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng L.

Đối với yêu cầu tính lãi suất của nguyên đơn, Hội đồng xét xử thấy rằng: Việc thỏa thuận mức lãi suất trong hạn, quá hạn, phạt chậm trả, phạt vi phạm giữa Ngân hàng L với ông Nguyễn Thái S bà Trần Thị L theo hợp đồng tín dụng nêu trên là phù hợp với Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng, phù hợp với quy định của Bộ luật Dân sự. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc tính lãi trên số tiền gốc mà ông Nguyễn Thái S bà Trần Thị L còn nợ, tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 280.070.807 đồng, trong đó, nợ lãi trong hạn là: 68.544.000 đồng; nợ lãi quá hạn là 198.308.094 đồng, lãi phạt là 13.218.713 đồng (tính đến ngày 09-12-2020).

[2.3]. Xét Hợp đồng thế chấp QSDĐ số: 206/2016/HĐTC-CNDakNong ngày 25-01-2016 giữa Ngân hàng L với ông Nguyễn Thái S và bà Trần Thị L, thấy rằng: Hợp đồng thế chấp được UBND xã Đăk N’Drung công chứng ngày 27-01-2016, số chứng thực 21 và đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 27-01-2016 tại Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai Đ. Tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất đối với các thửa đất số: 40, 62, tờ bản đồ số 132, tọa lạc tại thôn Đ, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đăk Nông, được UBND huyện Đ cấp các Giấy chứng nhận QSDĐ quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BE 266427 và số BE 266428, ngày 18-10-2011 đều đứng tên ông

Nguyễn Thái S và bà Trần Thị L. Việc thế chấp đúng quy định theo điểm a khoản 3 Điều 167; khoản 1 Điều 168 Luật đất đai; Điều 298, Điều 299, 317, 320 Bộ luật Dân sự. Do đó, hợp đồng thế chấp được lập giữa Ngân hàng L với ông Nguyễn Thái S và bà Trần Thị L là hợp pháp, yêu cầu của khởi kiện của ngân hàng được chấp nhận nên cần chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng về việc xử lý tài sản thế chấp để đảm bảo việc thu hồi nợ.

[3]. Về chi phí tố tụng: Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là: 1.600.000đ (*Một triệu sáu trăm nghìn đồng*). Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên cần buộc bị đơn phải chịu toàn bộ chi phí xem xét thẩm định tại chỗ. Nguyên đơn đã nộp tạm ứng chi phí xem xét thẩm định là 3.000.000đ (*Ba triệu đồng*) nên buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền 1.600.000đ (*Một triệu sáu trăm nghìn đồng*). Tòa án đã hoàn trả cho nguyên đơn 1.400.000đ (*Một triệu bốn trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng còn lại.

[4]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chấp nhận nên buộc bị đơn phải nộp toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

[5]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 91, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 298; 299, 317, 320, 463, 466, 470 Bộ luật Dân sự; các Điều 90, 91, 95 Luật các Tổ chức tín dụng; khoản 3 Điều 167; khoản 1 Điều 168 Luật đất đai; Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

*Tuyên xử:*

#### **1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP B.**

Buộc ông Nguyễn Thái S và bà Trần Thị L phải trả cho Ngân hàng TMCP B tổng số tiền 875.070.719đ (*Tám trăm bảy mươi lăm triệu không trăm bảy mươi nghìn bảy trăm mười chín đồng*), trong đó: Tiền nợ gốc là 594.999.912đ (*Năm trăm chín mươi tư triệu chín trăm chín mươi chín nghìn chín trăm mười hai đồng*), lãi trong hạn là 68.544.000đ (*Sáu mươi tám triệu năm trăm bốn mươi tư nghìn đồng*), lãi quá hạn là 198.308.094đ (*Một trăm chín mươi tám triệu ba trăm linh tám nghìn không trăm chín mươi tư đồng*), lãi phạt là 13.218.713đ (*Mười ba triệu hai trăm mười tám nghìn bảy trăm mười ba đồng*), (tính đến ngày 09-12-2020).

Trường hợp ông Nguyễn Thái S bà Trần Thị L không trả hoặc trả không đủ số tiền nợ thì Ngân hàng TMCP B được quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phát mại tài

sản thế chấp của ông Nguyễn Thái S và bà Trần Thị L để đảm bảo việc thu hồi nợ (Theo hợp đồng thế chấp số: 206/2016/HĐTC-CNDakNong ngày 25-01-2016).

*Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.*

**2. Về chi phí xem xét, thẩm định:** Buộc ông Nguyễn Thái S và bà Trần Thị L phải chịu 1.600.000đ (Một triệu sáu trăm nghìn đồng) tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ. Do Ngân hàng TMCP B đã nộp tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ số tiền 3.000.000đ (Ba triệu đồng) nên buộc ông Nguyễn Thái S và bà Trần Thị L phải trả cho ngân hàng 1.600.000đ (Một triệu sáu trăm nghìn đồng). Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP B số tiền 1.400.000đ (Một triệu bốn trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ còn lại (Tòa án đã trả).

**3. Về án phí dân sự sơ thẩm:** Buộc ông Nguyễn Thái S và bà Trần Thị L phải nộp 38.252.121đ (Ba mươi tám triệu hai trăm năm mươi hai nghìn một trăm hai mươi mốt đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP B số tiền 17.091.000đ (Mười bảy triệu không trăm chín mươi mốt nghìn đồng) đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số 0002393, ngày 24-12-2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ.

**4. Về quyền kháng cáo:** Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án;

Bị đơn được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án.*

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Đắk Song;
- Chi cục THA huyện Đắk Song;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**  
(Đã ký và đóng dấu)

**Mã Thị Kỳ**